TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 5 - 2021
V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.
2. Bà Trịnh Thị Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Thị Tố Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Minh - KSV.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST - HNGĐ ngày 18/02/2021 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 29/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Công O, sinh năm 1969;

Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ở hiện nay: Thôn GM, xã HL, huyện HT, tỉnh TH; Anh O vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1973;

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn A, xã TC, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Chị S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đỗ Công O trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Nguyễn Thị S tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bình thường đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 4 năm 2013 chị S bỏ đi đâu không rõ, anh O và gia đình hai bên đã tìm kiến nhiều nơi nhưng không biết chị S ở đâu làm gì. Anh Đỗ Công O đã yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu tuyên bố chị S mất tích, ngày 31/12/2020 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tuyên bố chị Nguyễn Thị S mất tích theo quyết định số 04/2020/QĐDS-ST. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh O đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Công Đ sinh ngày 20/3/1995, hiện đang ở với cùng anh O, anh Đ đã thành niên và tự lập được.

Về tài sản: Anh O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị S hiện nay không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng và tại xã TC nhưng chị S đều không có mặt, nên Tòa án không tiến hành làm việc được với chị S.

Tòa án đã làm việc với chính quyền xã TC thì được biết chị S đã bỏ đi khỏi địa phương từ lâu, từ khi Tòa án tuyên bố mất tích cho đến nay chị S không có mặt tại địa phương, cũng như không biết tin tức gì về chị S ở đâu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ quy định của pháp luật, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Đỗ Công O và bị đơn là chị Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa, nhưng anh O đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị S vắng mặt không có lý do và phiên tòa cũng đã được hoãn lần thứ nhất vào ngày 14/4/2021; Do đó căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh O và chị S.

[2]. Về hôn nhân: Anh Đỗ Công O và chị Nguyễn Thị S hai bên chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn, việc này được các cấp chính quyền địa phương nơi cư trú của anh O và nơi chị S cư trú trước đây và đang sinh sống xác nhận. Theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì giữa anh O và chị S sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng; Nay anh O có đơn đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị S, cần áp dụng các quy định này và quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để không công nhận anh O và chị S là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Anh O khai nhận vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Công Đ sinh ngày 20/3/1995, anh O xuất trình cho Tòa án bản sao trích lục khai sinh của Đỗ Công Đ có ghi họ tên mẹ là chị Nguyễn Thị S, họ tên bố là Đỗ Công O; Như vậy đủ cơ sở khẳng định Đỗ Công Đ là con chung của anh O và chị S. Hiện Đỗ Công Đ đang ở với cùng anh O, anh Đ đã thành niên và tự lập được và cũng có đơn không đề nghị giải quyết vấn đề gì.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không biết được nội dung yêu cầu của chị S đối với phần tài sản giữa chị S và anh O nếu sau này chị Nguyễn Thị S trở về hoặc người có quyền lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích thì dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Anh O là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đỗ Công O và chị Nguyễn Thị S.

2. Về con chung: Anh Đỗ Công Đ sinh ngày 20/3/1995 hiện đã thành niên và tự lập được là con chung của anh Đỗ Công O và chị Nguyễn Thị S.

3. Về án phí: Anh Đỗ Công O phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)*được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007403 ngày 04/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, anh O đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh O, chị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thiệu Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Dũng Tấn **Trịnh Thị Hạnh** **Hoàng Văn Đạt**